TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Long

Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: 6 ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: H ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: 69/5 ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm H trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2004 do UBND xã T, huyện H cấp ngày 03/3/2004.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11/2007, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T là người chồng vô tâm, không lo làm ăn phụ giúp gia đình, thường xuyên ăn nhậu. Mặc dù bà đã nhiều lần trao đổi, góp ý, khuyên

can nhưng ông T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 8/2022 tới nay.

Nay bà không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân và không thể tiếp tục chung sống với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân với ông T, bà và ông T có 02 con chung tên Đỗ Trung T1, sinh ngày 14/9/2004 (đã trưởng thành) và Đỗ Trung N, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp từ ngày 03/3/2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, ông T không lo làm ăn. Bà H và ông T đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Trung T1, sinh ngày 14/9/2004 (đã trưởng thành) và Đỗ Trung N, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay, bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu N cũng như xét yêu cầu của bà H là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà H và ông T là tranh chấp về việc "ly hôn", ông T có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho bà H và ông T. Bà H và ông T đều ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng trên. Tại phiên tòa, bà H có mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2004 do UBND xã T,

huyện H cấp ngày 03/3/2004, có đủ cơ sở xác định, bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà H và ông T hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, ông T vắng mặt không rõ lý do. Bà H trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp; ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Mặc dù bà H đã nhiều lần khuyên nhủ, góp ý nhưng ông T không sửa đổi. Ông bà đã đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho tới nay, hai bên có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông T, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Đỗ Trung T1, sinh ngày 14/9/2004 (đã trưởng thành) và Đỗ Trung N, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay, bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Xét nguyện vọng của bà H là phù hợp cũng như để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu N cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của cháu N cũng như mức sống trung bình tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông T, ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H và ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Cẩm H được ly hôn với ông Đỗ Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2004 do UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2004).

2. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Đỗ Trung T1, sinh ngày 14/9/2004 (đã trưởng thành) và Đỗ Trung N, sinh ngày 29/8/2017.

Giao cháu Đỗ Trung N cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0015721 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (đã nộp đủ).

Ông T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Phượng